

Số 148/CNĐP-QLKC
V/v hướng dẫn xây dựng kế
hoạch khuyến công năm 2012

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2011

Kính gửi: Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Để tổng hợp, xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kinh phí khuyến công (KHKPKC) quốc gia và địa phương năm 2012, Cục Công nghiệp địa phương (Cục CNĐP) đề nghị các Sở Công Thương/đơn vị liên quan tiến hành xây dựng KHKPKC năm 2012 theo các nội dung chủ yếu như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện KHKPKC năm 2011

Các Sở Công Thương/các đơn vị liên quan tổng hợp số liệu, lập báo cáo đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và dự kiến kết quả thực hiện cả năm 2011; phương hướng mục tiêu chung là phấn đấu hoàn thành tốt nhất kế hoạch KPKC được giao. Báo cáo tập trung đánh giá các nội dung:

1. Tình hình triển khai kế hoạch và kết quả thực hiện kế hoạch kinh phí khuyến công được giao (khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương) cần phân tích rõ những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả thực hiện như: ảnh hưởng của suy giảm kinh tế đến cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn (CNNT), biến động của các tổ chức dịch vụ khuyến công tại địa phương; chế độ quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công, thủ tục giải ngân, thanh quyết toán kinh phí tại địa phương; giao và điều hành KHKPKC của Bộ Công Thương, Cục CNĐP và UBND cấp tỉnh.

2. Kết quả và đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung hoạt động khuyến công theo quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BCT ngày 07/5/2008 của Bộ Công Thương về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012 và Hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá đề án, chương trình khuyến công. Đánh giá chung mặt được, những hạn chế tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế tồn tại đó.

3. Những giải pháp thực hiện nhằm hoàn thành KHKPKC được giao.

II. Xây dựng KHKPKC năm 2012

Căn cứ Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg; Chương trình khuyến công địa phương, các quy hoạch phát triển công nghiệp và kế hoạch phát triển CN-TTCN của địa phương, các Sở Công Thương/các đơn vị lập KHKPKC năm 2012 theo các định hướng nội dung và trình tự sau:

1. Định hướng nội dung hoạt động khuyến công năm 2012

1.1. Kế hoạch khuyến công địa phương năm 2012, tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung theo Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012 (Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg) và Chương trình khuyến công địa phương đã được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt. Căn cứ định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện cụ thể của mỗi địa phương để xây dựng kế hoạch kinh phí phù hợp cho từng nội dung tại 7 tiêu chương trình.

1.2. Đối với các đề án sử dụng KPKCQG, việc định hướng nội dung hoạt động, lựa chọn, thẩm định, yêu cầu hồ sơ, biểu mẫu, ... thực hiện theo quy định tại Quyết định số 08/2008/QĐ-BCT ngày 12/5/2008 và tại phụ lục 1 kèm theo công văn này.

2. Trình tự xây dựng, đăng ký kế hoạch KCQG năm 2012

2.1. Đối với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

2.1.1. Hướng dẫn các tổ chức dịch vụ khuyến công, cơ sở CNNT trên địa bàn lập đề án đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công.

2.1.2. Tổng hợp, thẩm định và lựa chọn từ các đề án đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công do cơ sở CNNT, tổ chức dịch vụ khuyến công lập để xây dựng KHKPKC năm 2012, trong đó chia thành 2 nhóm:

(i) Nhóm các đề án sử dụng kinh phí khuyến công địa phương;

(ii) Nhóm các đề án sử dụng kinh phí KCQG. Nhóm các đề án này được lập hồ sơ gửi về Cục CNĐP để xem xét, tổng hợp trình Bộ Công Thương gồm 2 dạng:

- Đối với các đề án có cùng nội dung hoạt động quy định tại khoản 2.1 mục I phụ lục số 1 kèm theo được sắp xếp đăng ký theo **nhóm nội dung hoạt động khuyến công**;

- Đối với đề án quy định tại khoản 2.2 mục I phụ lục số 1 kèm theo do yêu cầu quản lý phải đăng ký cho **từng đối tượng thụ hưởng**.

Đồng thời gửi Biểu tổng hợp về UBND cấp tỉnh để báo cáo. *Hồ sơ đăng ký kế hoạch các Sở Công Thương gửi về Cục đã được thẩm định cấp cơ sở theo quy định tại Quyết định số 08/2008/QĐ-BCT ngày 12/5/2008 của Bộ Công Thương.*

2.1.3. Tài liệu gửi về Cục CNĐP gồm: (i) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện KHKPKC năm 2011 tại địa phương; (ii) KHKPKC địa phương năm 2012; (iii) Hồ sơ đề án đăng ký thực hiện từ nguồn KPKC quốc gia năm 2012.

2.2. Đối với các tổ chức, đơn vị khác

Ngoài Sở Công Thương các tỉnh, thành phố, các đơn vị khác gồm: Các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội; các Hiệp hội ngành nghề; các Viện, Trường

đại học, cao đẳng,...(gọi chung là đơn vị) có thể đăng ký hoặc làm đầu mối tổng hợp đăng ký kế hoạch KPKCQG năm 2012. Trình tự và hồ sơ đăng ký như sau:

2.2.1. Trình tự xây dựng đề án, KHKCQG năm 2012: các đơn vị phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố xây dựng đề án, kế hoạch do các tổ chức có chức năng phù hợp trực thuộc thực hiện hoặc trực tiếp tổ chức thực hiện (nếu có chức năng phù hợp). Địa bàn ưu tiên thực hiện tại các tỉnh Trung du và miền núi Bắc bộ, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và một số tỉnh khó khăn, công nghiệp chậm phát triển và các huyện thuộc 62 huyện nghèo của các tỉnh khác theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 28/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững; 11 xã thí điểm 5 tỉnh, thành phố của Trung ương trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

2.2.2. Tài liệu gửi Cục CNĐP gồm: Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện KHKCQG năm 2011 (như mục I của công văn này); kế hoạch kinh phí KCQG năm 2012, gồm Biểu tổng hợp đề án thực hiện năm 2012 (như khoản (ii) mục 2.1.2 của công văn này), kèm các đề án khuyến công, trong đó có ý kiến đồng ý của Sở Công Thương nơi đề án triển khai thực hiện.

Thực hiện nghiêm túc quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính yêu cầu kế hoạch KPKCQG từ năm 2012 trở đi **được giao một lần** trong năm trước ngày 31 tháng 12 năm trước (cụ thể năm 2012 giao trước ngày 30/12/2011), để tạo điều kiện cho các đơn vị thuận lợi, chủ động trong công tác triển khai thực hiện kế hoạch được giao. Vì vậy, Cục CNĐP đề nghị các Sở Công Thương/các đơn vị liên quan tập trung chỉ đạo các Trung tâm khuyến công, đơn vị khẩn trương khảo sát, xây dựng và đăng ký kế hoạch KCQG năm 2012 như hướng dẫn trên và **gửi về Cục CNĐP trước ngày 25/6/2011** để kịp tổng hợp và báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài Chính./.

Chú ý: Ngoài gửi chính thức theo đường văn thư đề nghị các đơn vị gửi Biểu tổng hợp các đề án KCQG năm 2012 theo mẫu quy định và biểu tổng hợp KHKPKC địa phương năm 2012 (soạn trên Font chữ "Times New Roman") về Cục CNĐP theo địa chỉ huongdc@moit.gov.vn và hoant@moit.gov.vn (đối với đề án liên quan đến hỗ trợ cụm CN).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Hội, Viện, Trường, đơn vị liên quan;
- Bộ trưởng, TT. Hoàng Quốc Vượng (để b/c);
- Lãnh đạo Cục;
- Trang Web của Cục CNĐP;
- TTKC&TVPTCN các tỉnh, T.phố;
- IPC1 và các phòng thuộc Cục;
- Lưu: VT, QLKC.



Phụ lục số 1

HƯỚNG DẪN BỔ SUNG VỀ NỘI DUNG, HỒ SƠ VÀ THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA NĂM 2012

(Kèm theo Công văn số 148 /CNĐP-QLKC ngày 27/5/2011 của Cục Công nghiệp địa phương)

I. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG

1. Về nội dung hoạt động khuyến công: tập trung ưu tiên thực hiện các nội dung chính sau:

1.1 Hoạt động đào tạo nghề: tập trung hỗ trợ một số nhóm ngành nghề chính như: đào tạo nghề may công nghiệp, da giày; kỹ thuật sản xuất sửa chữa, gia công cơ khí; kỹ thuật chế biến nông - lâm- thủy hải sản; sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ xuất khẩu (như mây tre đan, gốm sứ, cối, thêu ren,..) gắn với vùng nguyên liệu, vùng làng nghề. Các đề án đào tạo nghề mới, gắn với nhu cầu sử dụng trực tiếp lao động của cơ sở CNNT. Hoạt động đào tạo nghề có thể do tổ chức dịch vụ khuyến công (Trung tâm khuyến công, Viện trường, cơ sở dạy nghề,... có chức năng phù hợp) trên cơ sở đăng ký nhu cầu của các doanh nghiệp lập đề án khuyến công thực hiện; hoặc hỗ trợ KPKC trực tiếp cho doanh nghiệp có đề án tự tổ chức dạy nghề và nhận lao động sau đào tạo vào làm việc **trực tiếp** tại doanh nghiệp thông qua hình thức ký hợp đồng sử dụng lao động.

Kết thúc khoá đào tạo lao động được cấp chứng chỉ đào tạo với những ngành nghề có thời gian đào tạo từ 3 tháng trở lên và cấp giấy chứng nhận đào tạo với các nghề có thời gian đào tạo dưới 3 tháng.

Lao động sau đào tạo có tối thiểu 70% được nhận vào làm việc tại các cơ sở công nghiệp nông thôn.

1.2. Hoạt động xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản phẩm mới về các lĩnh vực: sửa chữa, sản xuất máy cơ khí, nông cụ phục vụ nông - lâm - nghiệp, cơ khí tiêu dùng; chế biến nông - lâm - thủy sản; hóa chất phục vụ nông nghiệp nông thôn; công nghiệp tạo mẫu trong ngành có lợi thế; công nghiệp hỗ trợ khác. Các đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật là các đề án phải đầu tư mới (công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới tại địa bàn cấp huyện) cần phổ biến nhân rộng; đã, đang đầu tư và kết thúc đầu tư đi vào sản xuất năm 2012 để phục vụ trình diễn. Riêng đối với đối với các đề án về sản xuất gạch tuynel một số địa phương đã hạn chế cấp phép và không khuyến khích đầu tư sản xuất gạch nung (đặc biệt là công nghệ hoffman) vì vậy Cục không xét hỗ trợ đối với ngành nghề này. Nếu xét thấy nhu cầu địa phương vẫn cần hỗ trợ, Sở Công Thương có thể trình UBND tỉnh để xem xét, hỗ trợ bằng nguồn kinh phí khuyến công địa phương.

1.3. Hoạt động chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường của cơ sở CNNT. Công nghệ

hỗ trợ chuyên giao là công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyên giao như quy định tại Phụ lục I, Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyên giao công nghệ. Công nghệ phải tiên tiến hơn về năng suất, chất lượng, hiệu quả so với công nghệ cơ sở CNNT đang sử dụng.

1.4. Hoạt động chuyên giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại trong các khâu sản xuất, xử lý ô nhiễm môi trường của cơ sở CNNT; tiên tiến hơn về năng suất, chất lượng, hiệu quả so với máy móc thiết bị đang sử dụng và chưa có cơ sở sản xuất nào tại địa bàn cấp huyện đầu tư sử dụng. Thiết bị hiện đại lựa chọn là thiết bị đơn chiếc hoặc nhóm thiết bị chính, đảm bảo được tính mới, tính hiện đại, vượt trội của thiết bị/nhóm thiết bị trên địa bàn cấp huyện. Khi đăng ký nêu rõ tên thiết bị, nước sản xuất, năm sản xuất, công suất thiết kế, đặc tính kỹ thuật, tính hiện đại, vượt trội của thiết bị.

1.5. Hoạt động hỗ trợ thành lập doanh nghiệp tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP.

1.6. Hoạt động hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp tại địa bàn khó khăn theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP. Ngoài ra, đối với hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cụm CN còn phải đáp ứng điều kiện cụm CN đã được đầu tư xây dựng hạ tầng tối thiểu đạt 50% tổng mức đầu tư của dự án đầu tư hạ tầng đã được phê duyệt và có tỉ lệ lấp đầy tối thiểu đạt 50% diện tích đất công nghiệp của toàn cụm.

1.7. Tổ chức Hội chợ triển lãm CNNT tiêu biểu; Hỗ trợ cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm có quy mô liên tỉnh, liên vùng; hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với sản phẩm CNNT; hỗ trợ các cơ sở CNNT thuê tư vấn nhằm phát huy các lợi thế, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, tập trung vào các nội dung: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, đất đai, ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất CNNT.

1.8. Hỗ trợ bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu: Việc tổ chức hoạt động bình chọn được quy định cụ thể, chi tiết tại Thông tư số 35/2010/TT-BCT ngày 12 tháng 11 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. KCQG tập trung hỗ trợ tổ chức bình chọn cấp khu vực và cấp quốc gia.

2. Về quy mô đề án: KCQG chỉ hỗ trợ các đề án có quy mô lớn, tầm ảnh hưởng rộng phù hợp với phân cấp tại Điều 6, Thông tư số 125/2009/TTLT/BTC-BCT ngày 17/6/2009. Riêng đối với quy mô của đề án đào tạo nghề: tối thiểu 100 lao động/đề án đối với các tỉnh thuộc trung du miền núi Bắc Bộ, Tây nguyên, Tây Nam Bộ; các tỉnh còn lại quy mô đề án tối thiểu 200 lao động/đề án.

Để giảm bớt số lượng đề án, các thủ tục giấy tờ thực hiện chủ trương **đổi mới phương thức đăng ký và giao kế hoạch KCQG**. Từ năm 2012, đề nghị các đơn vị xây dựng, lựa chọn các đề án có quy mô lớn; **lập đề án theo nhóm nội dung hoạt động khuyến công để đăng ký KHKPKCQG** theo:

2.1 Các nội dung hoạt động khuyến công lập theo nhóm gồm:

- Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề;
- Đào tạo cán bộ của các tổ chức dịch vụ khuyến công để có đủ năng lực tham gia hoạt động tư vấn, đào tạo của chương trình (đào tạo giảng viên);
- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về khởi sự, quản trị doanh nghiệp nông thôn;
- Tổ chức hội thảo, giới thiệu các kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ mới và các chủ đề khác liên quan đến sản xuất công nghiệp cho cơ sở công nghiệp nông thôn;
- Tổ chức, hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các khoá học, hội thảo;
- Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm tiêu biểu mở rộng sản xuất, thị trường, cải tiến công nghệ, mẫu mã, bao bì đóng gói... để tạo ra những sản phẩm đạt được cấp cao hơn;
- Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm, tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu.
- Hỗ trợ để thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia.
- Hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn...

2.2 Các nội dung hoạt động lập theo đối tượng thụ hưởng cụ thể gồm:

- Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật;
- Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến;
- Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp;
- Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Các đề án ưu tiên thực hiện

3.1. Ưu tiên các đề án khuyến công điểm (đề án có quy mô lớn hoặc đề án thực hiện nhiều nội dung hoạt động khuyến công, lồng ghép nhiều nguồn kinh phí, thực hiện trong nhiều năm, trên cùng một địa bàn) tại những huyện, thị có tiềm năng, lợi thế nhưng CN-TTCN còn chưa phát triển. Đề án hỗ trợ

cơ sở CNNT phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực.

3.2. Ưu tiên hỗ trợ cho các tỉnh thuộc khu vực: Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, các tỉnh công nghiệp chậm phát triển, các huyện thuộc 62 huyện nghèo của các tỉnh khác theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 28/12/2008; 11 xã thí điểm 5 tỉnh, thành phố của Trung ương trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3.3. Ưu tiên cho các đơn vị thực hiện tốt công tác khuyến công năm 2010 và năm 2011.

3.4. Các tỉnh có các đề án, nhiệm vụ đã được lãnh đạo Bộ thống nhất triển khai tại các Thông báo kết luận của Lãnh đạo Bộ khi làm việc với các địa phương từ năm 2010-2011.

3.5. Các đề án do các Hiệp hội ngành nghề, Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh HTX Việt Nam, Cục Kinh tế Bộ Quốc phòng, các đơn vị dịch vụ khuyến công có đủ năng lực,... phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh thuộc: Trung du và miền núi Bắc bộ, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và một số tỉnh khó khăn, công nghiệp chậm phát triển và các huyện thuộc 62 huyện nghèo của các tỉnh khác theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 28/12/2008; 11 xã thí điểm và 5 tỉnh, thành phố của Trung ương trong Chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới.

3.6. Hỗ trợ các đề án do các Viện, Trường Đại học thực hiện trong các lĩnh vực: đào tạo cán bộ khuyến công; đào tạo khởi sự doanh nghiệp công nghiệp nông thôn gắn với việc tư vấn, hỗ trợ thành lập doanh nghiệp mới; đào tạo, tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở CNNT; biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo nghề; khởi sự doanh nghiệp; quản trị doanh nghiệp CNNT và đào tạo cán bộ khuyến công.

4. Về mức chi cho hoạt động khuyến công quốc gia: theo Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT/BTC-BCT ngày 17/6/2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công. Trong đó, một số Thông tư/Thông tư liên tịch quy định mức chi đã được bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế như sau:

- Biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo của Chương trình khuyến công thực hiện theo Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp;

- Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề thực hiện theo Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/07/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”

ban hành theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề án đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề thuộc nguồn kinh phí Chương trình khuyến công quốc gia tại các địa phương, mức chi phí đào tạo cho từng nghề do UBND cấp tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg và Thông tư số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH phù hợp với chương trình đào tạo, thời gian đào tạo và điều kiện thực tế của địa phương.

Trường hợp đề án đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề thuộc nguồn kinh phí Chương trình khuyến công quốc gia tại các địa phương chưa có mức chi phí đào tạo cho từng nghề được UBND tỉnh phê duyệt thì áp dụng mức hỗ trợ 300.000.đồng/người/tháng.

Đối với đào tạo người nghèo và người dân tộc thiểu số tham gia học nghề mới; đào tạo thợ giỏi và nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp học nâng cao để trở thành giảng viên dạy nghề được hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học và hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé phương tiện giao thông công cộng theo Thông tư liên tịch số 44/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 29/3/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh Xã hội sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 20/8/2007 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo;

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công thực hiện theo Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

- Hội nghị, hội thảo, tập huấn thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công; các khoá đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức.

5. Về dự toán kinh phí: xác định tổng kinh phí cho đề án, trong đó phân rõ cơ cấu nguồn: kinh phí khuyến công (khuyến công quốc gia, khuyến công địa phương); kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân thụ hưởng; nguồn khác (nếu có). Dự toán kinh phí được lập chi tiết cho từng nội dung công việc theo biểu mẫu quy định (*Phụ lục số 3 kèm theo công văn này*) và phải phù hợp với các quy định, định mức hiện hành, có thuyết minh, giải trình các

khoản chi phí chi tiết kèm theo. Đối với các đề án khuyến công điểm, thực hiện trong nhiều năm thì kế hoạch kinh phí còn phải được phân bổ theo tiến độ thực hiện hàng năm.

II. VỀ HỒ SƠ

Ngoài Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện KHKPKC năm 2011 của Sở Công Thương như hướng dẫn tại mục I (đối với đơn vị khác như hướng dẫn tại khoản 2.2, Điểm 2, mục II) của Công văn này; các Sở Công Thương/đơn vị gửi về Cục CNĐP 01 bộ hồ sơ đăng ký đề án thực hiện từ nguồn KPKCQG, bao gồm:

1. Văn bản thẩm định của Sở Công Thương/đơn vị gửi Cục CNĐP kèm Biểu tổng hợp các đề án đăng ký thực hiện bằng nguồn kinh phí KCQG theo mẫu quy định tại phụ lục số 04 kèm theo công văn này.

2. Các đề án KCQG trong biểu tổng hợp kèm văn bản thẩm định cấp cơ sở của Sở Công Thương/đơn vị như quy định tại Quyết định số 08/2008/QĐ-BCT ngày 12/5/2008 của Bộ Công Thương. Ngoài ra tùy dạng đề án đơn vị thực hiện đề án còn phải gửi thêm các tài liệu (gồm các tài liệu theo bảng dưới đây):

TT	Dạng đề án	Tài liệu bổ sung
1	Đào tạo nghề cho lao động mới	- Chương trình đào tạo theo mẫu quy định tại phụ lục số 2. - Giáo trình hoặc tài liệu đào tạo nghề có xác nhận của Sở Công Thương (nếu có).
2	Hoạt động biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo nghề, khởi sự, quản trị doanh nghiệp CNNT và đào tạo cán bộ khuyến công	- Đề cương Chương trình, giáo trình hoặc tài liệu sẽ biên soạn.
3	Tổ chức hội thảo, diễn đàn	- Chương trình nội dung hội thảo, bản tóm tắt hoặc đề cương tài liệu Hội thảo.
4	Đào tạo, tập huấn khởi sự, quản trị doanh nghiệp CNNT và đào tạo cán bộ khuyến công.	- Chương trình, giáo trình hoặc tài liệu đào tạo, tập huấn.
5	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản phẩm mới	- Văn bản đồng ý tham gia, kèm Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của chủ đầu tư. Ý kiến thẩm tra của Sở Khoa học và Công nghệ về tính mới của công nghệ hoặc ý kiến thẩm định của Sở Công Thương về tính mới của sản phẩm tại địa bàn cấp huyện (đối với ý kiến thẩm định của Sở Công Thương không cần văn bản riêng nêu trong đề án đã nêu rõ). - Bản sao hợp lệ bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất (đối với doanh nghiệp) hoặc bảng cân đối tài khoản (đối với hợp tác xã).

		- Dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật, kèm quyết định đầu tư của chủ đầu tư.
6	Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến	- Văn bản đề nghị hỗ trợ, trong đó nêu rõ nhưng nội dung sẽ chuyển giao, kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở CNNT nhận chuyển giao. - Bản sao hợp lệ bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất (đối với doanh nghiệp) hoặc bảng cân đối tài khoản (đối với hợp tác xã). - Hợp đồng chuyển giao công nghệ; ý kiến thẩm tra của Sở Khoa học và Công nghệ về Công nghệ chuyển giao.
7	Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại	- Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn nhận chuyển giao, ứng dụng. - Đối với doanh nghiệp và Hợp tác xã phải có bản sao hợp lệ Bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất. - Dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật kèm theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. - Ý kiến của Sở Công Thương về tính hiện đại, vượt trội và tính mới của máy móc thiết bị tại địa bàn cấp huyện đề nghị hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng (nếu không nêu rõ trong đề án).
8	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết Cụm điểm công nghiệp- TTCN	- Văn bản của chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, trong đó có cam kết về vốn đối ứng để thực hiện; - Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập cụm công nghiệp; - Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt dự toán chi phí lập đồ án quy hoạch của cấp có thẩm quyền (trường hợp Quyết định của doanh nghiệp, phải kèm theo văn bản thẩm tra của đơn vị có chức năng); - Bản sao hợp lệ Bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất (nếu chủ đầu tư là doanh nghiệp, Hợp tác xã).
9	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp	- Văn bản của chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng hạng mục công trình hạ tầng của cụm công nghiệp, trong đó có cam kết vốn đối ứng để thực hiện; - Báo cáo tiến độ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đến thời điểm hiện tại như quy định tại phụ lục kèm theo; - Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp; - Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp; - Bản sao hợp lệ: Bản vẽ thiết kế thi công và Dự toán của hạng mục công trình đề nghị hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Bản sao hợp lệ Bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất (trường hợp chủ đầu tư là doanh nghiệp, Hợp tác xã); Ngoài ra, tùy theo từng nội dung cụ thể mà yêu cầu thêm các tài liệu khác như: Dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế-kỹ thuật xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt,...

Phụ lục số 2
CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Công văn số 148 /CNĐP-QLKC ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Cục Công nghiệp địa phương)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Tên nghề đào tạo:
2. Đối tượng đào tạo:
2. Thời gian đào tạo một khóa:
3. Hình thức đào tạo:

A. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức
2. Về kỹ năng
3. Về thái độ

B. ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

T T	Tên môn học	Nội dung chương trình	Thời lượng môn học (giờ)			Ghi chú
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
I. Phân phối thời gian đào tạo các môn học						
1						
2						
II. Kiểm tra kết thúc môn học						
1						
	Tổng (I+II)					

C. YÊU CẦU GIÁNG VIÊN

1. Dạy lý thuyết:.....giảng viên chính; là (thợ giỏi hay nghệ nhân,...);
Phụ giảng:.....người

2. Dạy thực hành giảng viên chính; là (thợ giỏi hay nghệ nhân,...);
Phụ giảng:.....người

**Xác nhận của Sở Công Thương/
hoặc cơ quan chủ quản**
(Ký tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm 20
Đơn vị thực hiện đề án
(Ký tên và đóng dấu)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
CỤM CÔNG NGHIỆP**

I. Một số thông tin chung:

1. Tên Cụm công nghiệp:

2. Địa điểm:

3. Diện tích:

4. Thông tin về chủ đầu tư

4.1. Nếu chủ đầu tư là doanh nghiệp: tên doanh nghiệp (DN); năm thành lập; ngành nghề kinh doanh chủ yếu; vốn kinh doanh; số lao động ...

4.2. Nếu chủ đầu tư là đơn vị sự nghiệp: tên đơn vị, cơ cấu tổ chức, số lượng biên chế, Quyết định thành lập (nếu có),...

II. Kết quả thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)

1. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp

1.1. Kết quả thực hiện:

TT	Hạng mục	Giá trị theo QĐ phê duyệt (tr. đồng)	Khối lượng đã thi công (tr. đồng)	Nguồn vốn
1	Đền bù, giải phóng mặt bằng			
2	San tạo mặt bằng			
3	Hệ thống đường giao thông nội bộ			
4	Hệ thống cấp, thoát nước			
5	Hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc,...			
6	Hệ thống xử lý nước thải			
7	Các công trình dùng chung: (nhà l/v, cây xanh, tường rào, cổng,...)			
	Khác:			
	Tổng số			

1.2. Đánh giá chung:

2. Tình hình thu hút đầu tư vào cụm CN

2.1. Kết quả thực hiện:

TT	Chỉ tiêu	Đăng ký đầu tư	Thực hiện đầu tư	Ghi chú
1	Số lượng (số DN)			
2	Diện tích đất thuê (ha)			
3	Nguồn vốn (tỷ đồng)			
4				

2.2. Đánh giá chung:

III. Kế hoạch thực hiện

1. Kế hoạch đầu tư xây dựng (trong năm xin hỗ trợ):

TT	Hạng mục	Trị giá (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí quản lý dự án + Tư vấn đầu tư			
3	Chi phí khác + đền bù, GPMB			
4	Chi phí dự phòng:			
	Khác:			
	Tổng số			

2. Dự kiến xin hỗ trợ từ nguồn kinh phí KCQG

TT	Hạng mục	Trị giá (Tr.đồng)	Kinh phí KCQG (Tr.đồng)	Nguồn vốn khác (Tr.đồng)
1	San lấp mặt bằng			
2	Hệ thống đường giao thông nội bộ			
3	Hệ thống cấp, thoát nước			
4	Hệ thống xử lý nước thải			
	Hạng mục khác:			
	Tổng số			

IV. Đề xuất kiến nghị (nếu có):

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3
MẪU DỰ TOÁN CHI TIẾT MỘT SỐ LOẠI ĐỀ ÁN
(Kèm theo Công văn số 148 /CNĐP-QLKC ngày 27 tháng 5 năm 2011
của Cục Công nghiệp địa phương)

MẪU 1: Dự toán chi tiết đề án đào tạo nghề, truyền nghề, phát triển nghề

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Tuyển sinh, khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ nghề						
-	Tuyển sinh						
-	Khai giảng						
-	Bế giảng						
-	Cấp chứng chỉ nghề						
2	Chi mua/phô tô tài liệu, giáo trình học nghề						
3	Thù lao giáo viên, người dạy nghề						
-	Dạy lý thuyết						
-	Dạy thực hành						
4	Chi hỗ trợ nguyên, nhiên, vật liệu học nghề (chi tiết từng loại nguyên, nhiên, vật liệu)						
-	VD: + Vải (50Hv *30m/Hv)						
	+ Chi.....						
	+ Phụ liệu (khóa, cúc,...)						
5	Thuê lớp học, thuê thiết bị dạy nghề chuyên dụng (nếu có)						
-	Thuê lớp học						
-	Thuê thiết bị dạy nghề chuyên dụng (chi tiết từng loại)						
6	Thuê phương tiện vận chuyển thiết bị dạy nghề (đối với trường hợp dạy nghề lưu động)						
7	Trích khấu hao tài sản cố định phục vụ lớp học (nếu có)						
8	Chỉnh sửa, biên soạn lại chương trình, giáo trình (nếu có)						
9	Chi cho công tác quản lý lớp học (không quá 5 % tổng số kinh phí cho lớp đào tạo)						
	Tổng cộng						

MẪU 2: Dự toán chi tiết đề án đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi cho giảng viên						
1.1	Chi thù lao giảng viên						
1.2	Phụ cấp tiền ăn giảng viên						
1.3	Chi phí đưa, đón						
1.3	Chi phí tiền thuê phòng nghỉ						
2	Chi mua/in ấn giáo trình, tài liệu phục vụ trực tiếp lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo)						
3	Chi khen thưởng cho học viên						
4	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi tập trung học						
5	Chi tổ chức lớp học						
5.1	Thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có)						
5.2	Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi						
5.3	Chi khai giảng						
5.4	Chi bể giảng						
5.5	Chi nước uống phục vụ lớp học						
5.6	Chi văn phòng phẩm phục vụ lớp học						
5.7	Chi in và cấp chứng chỉ						
6	Chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe)						
7	Chi khác phục vụ trực tiếp lớp học						
8	Chi tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có)						
	Tổng cộng						

MẪU 3: Dự toán chi tiết đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi phí xây dựng mô hình						
1.1	Chi phí xây dựng cơ bản					X	
1.2	Chi phí mua sắm thiết bị						
1.2.1	Chi phí mua sắm thiết bị					X	
1.2.2	Chi phí công nghệ						
	- Cung cấp bí quyết công nghệ, biên soạn, in ấn tài liệu kỹ thuật						
	- Thuê chuyên gia tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật						
1.3	Chi phí sản xuất thử						
	- Nguyên vật liệu						
	- Chi nhân công sản xuất thử						
2	Chi hội nghị giới thiệu mô hình					X	
	- Thuê hội trường, trang trí, khánh tiết (nếu có)						
	- Hỗ trợ tiền ăn đại biểu không hưởng lương từ ngân sách và doanh nghiệp						
	- Thuê xe đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức cuộc họp						
	- Tiền nước uống trong hội nghị						
	- Tài liệu (photo, in ấn)						
	- Chi thông tin tuyên truyền (đăng báo, quay phim, chụp ảnh)						
	- Chi khác (tem thư, giấy mời)						
3	Chi phí cán bộ chỉ đạo, quản lý (chi phí đi công tác, làm thêm giờ)					X	
	Tổng cộng						

Ghi chú: Kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ vào các mục có dấu (X), mục còn lại của dự toán chi vào nguồn khác.

MẪU 4: Dự toán chi tiết đề án chuyển giao công nghệ

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi phí triển khai chuyển giao công nghệ					X	
1.1	<i>Cung cấp tài liệu, bí quyết kỹ thuật</i>						
1.2	<i>Tư vấn quản lý công nghệ, quản lý kinh doanh</i>						
2.	Đào tạo hướng dẫn quy trình công nghệ được chuyển giao					X	
2.1						
2.2						
3	Hướng dẫn thực hành sản xuất					X	
4	Mua tài liệu phục vụ công nghệ được chuyển giao					X	
5	Mua nguyên vật liệu sản xuất thử					X	
6	Hội nghị đánh giá nghiệm thu tổng kết tại cơ sở						
	Cộng						

Ghi chú: Kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ vào các mục có dấu (X), mục còn lại của dự toán sử dụng nguồn khác.

**MẪU 5: Dự toán chi tiết tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận
sản phẩm công nghiệp nông thôn**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi phí cho ban tổ chức hội đồng chấm giải (Hỗ trợ tiền ăn, ngủ, đi lại)						
1.1	Hội đồng sơ tuyển						
1.2	Hội đồng bình chọn						
2	Chi phí in ấn cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu						
3	Chi thông tin tuyên truyền						
3.1	- Chi tổ chức họp báo phát động triển khai giải thưởng						
3.2	- Chi gửi công văn và hồ sơ tới các tỉnh, các đơn vị, các doanh nghiệp,...						
3.3	- Tổ chức thông tin tuyên truyền và hướng dẫn về giải thưởng						
4	Chi phí phục vụ lễ trao giải (thuê Hội trường, thiết bị, trang trí, ...)						
5	Khen thưởng						

**MẪU 6: Dự toán chi tiết đề án xây dựng và đăng ký thương hiệu
sản phẩm công nghiệp nông thôn**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi khảo sát, thiết kế nhãn hiệu, đăng ký sở hữu nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên gọi xuất xứ						
2	Chi xây dựng quy chế, điều lệ, tài liệu liên quan						
3	Chi hội thảo, hội nghị tập huấn xây dựng, quản lý, sử dụng thương hiệu <i>(chi tiết theo nội dung chi theo quy định của hội thảo, hội nghị)</i>						
4	Chi tuyên truyền, quảng cáo phổ biến thương hiệu						
	Cộng						

MẪU 7: Dự toán chi tiết lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi phí khảo sát đo đạc địa hình						
2	Chi lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết						
3	Chi lập đồ án quy hoạch chi tiết						
4	Chi thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết						
5	Chi quản lý lập đồ án quy hoạch chi tiết						
	Cộng						

MẪU 8: Dự toán chi tiết đề án thành lập hiệp hội, hội ngành nghề

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi khảo sát và vận động nhân sự tham gia hiệp hội, hội ngành nghề						
2	Chi lập đề án thành lập hiệp hội, hội ngành nghề						
3	Xây dựng dự thảo điều lệ, chương trình hành động của Hiệp hội và các thủ tục có liên quan để trình các cơ quan chức năng						
4	Chi phí tổ chức Đại hội thành lập hiệp hội, hội ngành nghề						
5	Chi hỗ trợ mua trang thiết bị cho hiệp hội, hội ngành nghề						
6	Chi khác						
	Cộng						

MẪU 9: Dự toán chi tiết chi thành lập điểm tư vấn khuyến công

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi mua sách, tài liệu cho điểm tư vấn						
2	Chi mua trang thiết bị và dụng cụ phục vụ cho hoạt động của điểm tư vấn						
2.1	Máy tính						
2.2	Bàn ghế làm việc						
						
	Cộng						

MẪU 10: Dự toán chi tiết chi hình thành cụm liên kết DNCN

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi điều tra khảo sát lập đề án, vẽ sơ đồ cụm						
2	Chi hội thảo, hội nghị tập huấn mô hình cụm liên kết <i>(chi tiết theo nội dung chi theo quy định của hội thảo, hội nghị)</i>						
3	Chi đào tạo tập huấn cán bộ phát triển cụm và cán bộ hỗ trợ kỹ thuật <i>(chi tiết theo nội dung chi theo quy định của hội nghị tập huấn)</i>						
4	Chi xây dựng quy chế, điều lệ hoạt động của cụm						
	Cộng						

Phụ lục 04
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày.....tháng.....năm 20....

PHIẾU THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG
CẤP CƠ SỞ

(Áp dụng chung cho các đề án đăng ký)

Tên đề án:.....

Đơn vị thực hiện:

Địa điểm thực hiện:.....

- Căn cứ Quyết định số 08/2008/QĐ/QĐ-BCT ngày 12/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy chế xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công quốc gia;

- Căn cứ Hồ sơ đề án đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia năm 201..của.....

- Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế tại cơ sở.....

- Căn cứ (khác nếu có).....

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

2.1. Đánh giá đối tượng được hỗ trợ và phạm vi có phù hợp với Điều 2, Nghị định 134/2004/NĐ-CP, ngày 09/06/2004:

.....

2.2. Đánh giá ngành nghề được hỗ trợ có phù hợp với Điều 6, Nghị định 134/2004/NĐ-CP, ngày 09/06/2004:

.....

2.3. Đánh giá nội dung đề án có phù hợp với nội dung chương trình KCQG theo Quyết định số: 136/2007/QĐ-TTg, ngày 20/8/2007:

.....

2.4. Đánh giá mức độ phù hợp của đề án với phân cấp nhiệm vụ chi theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Thông tư liên tịch số: 125/TTLT/BTC-BCT, ngày 17/06/2009:

.....

2.5. Đánh giá chung về đề án:

.....

2.6. Đánh giá mức độ ưu tiên của đề án:

.....

II. ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA ĐƠN VỊ THỰC HIỆN VÀ ĐƠN VỊ PHỐI
HỢP

.....

.....
III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

3.1 Nhận xét:

.....
.....

3.2 Kiến nghị:

.....
.....

Kết quả thẩm định đề án (tên) của đơn vị (tên) đáp ứng được nội dung chương trình hoạt động khuyến công và đúng các quy định hiện hành.

Đề nghị Cục Công nghiệp địa phương tổng hợp, xem xét và trình Bộ Công Thương phê duyệt./.

Giám đốc Sở Công Thương
(ký tên và đóng dấu)

Trưởng Phòng
*(phòng được giao quản lý hoặc
thư ký tổng hợp)*

Đơn vị thực hiện
(ký tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

A. Yêu cầu về hồ sơ/tài liệu:

1. Đề án do đơn vị thực hiện lập:

Thông tin chung về đơn vị thực hiện; Thông tin về đề án (bao gồm: tên đề án; đơn vị thực hiện; địa điểm thực hiện; căn cứ pháp lý; sự cần thiết của đề án; quy mô và công suất; giải pháp thực hiện; tổng vốn đầu tư; tiến độ thực hiện; kết luận và kiến nghị)

2. Hồ sơ/Tài liệu của đơn vị thụ hưởng:

Yêu cầu chung: Đối với đề án đăng ký theo đối tượng thụ hưởng cụ thể: Đơn đề nghị hỗ trợ (trong đó cam kết chưa được hỗ trợ từ nguồn ngân sách của nhà nước và cam kết sẽ sử dụng lao động sau khi đào tạo đối với đề án hỗ trợ đào tạo nghề); Giấy phép đăng ký kinh doanh; Bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất.

Đối với đề án đăng ký theo nhóm nội dung hoạt động khuyến công: khi đăng ký đề án thì đối tượng thụ hưởng ghi chung là các cơ sở CNNT.

2.1. Đối với đề án hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn:

- Dự án đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật: yêu cầu xây dựng mới, không áp dụng đối với dự án mở rộng hoặc cải tạo, dự án phải thể hiện rõ tiến độ thực hiện (được hoàn thành trong năm được hỗ trợ);

- Dự án đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật: có quyết định đầu tư của chủ đầu tư đi kèm, có bản vẽ thiết kế sơ bộ công trình và dây chuyền công nghệ sản xuất; có bảng phân tích tài chính và hiệu quả kinh tế; nêu rõ tiến độ thực hiện; phân kỳ đầu tư; khả năng huy động nguồn vốn của chủ đầu tư.

2.2. Đối với đề án hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động mới:

Chương trình đào tạo nghề và Tài liệu hoặc giáo trình phục vụ đào tạo; Danh mục trang thiết bị phục vụ đào tạo.

2.3 Đối với đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại:

- Dự án đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật: có quyết định đầu tư của chủ đầu tư đi kèm, có bản vẽ thiết kế sơ bộ công trình và dây chuyền công nghệ sản xuất; có bảng phân tích tài chính và hiệu quả kinh tế; nêu rõ tiến độ thực hiện; phân kỳ đầu tư; khả năng huy động nguồn vốn của chủ đầu tư.

- Thông tin về máy móc thiết bị xin được hỗ trợ (nêu rõ tên thiết bị; nơi sản xuất; model của thiết bị; công suất của thiết bị; máy mới 100% và kèm theo catalogue - nếu có).

2.4 Đối với đề án hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ:

- Dự kiến số lượng cơ sở CNNT, số gian hàng và đơn giá gian hàng tiêu chuẩn hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại địa bàn và một số vùng lân cận được hỗ trợ tham gia hội chợ (trong đó có nêu rõ ngành nghề sản xuất chính và địa điểm sản xuất).

2.5 Đối với đề án hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu:

- Dự thảo và Bản cam kết chiến lược/kế hoạch xây dựng quảng bá thương hiệu của đơn vị thụ hưởng hoặc của Hiệp hội, hội ngành nghề

2.6 Đối với đề án hỗ trợ điểm tư vấn khuyến công:

- Dự thảo Quyết định thành lập kèm theo chức năng nhiệm vụ quyền hạn của điểm tư vấn khuyến công.

(Ghi chú: toàn bộ hồ sơ/tài liệu trên do đơn vị thẩm định lưu giữ theo quy định trong quá trình tổ chức thực hiện đề án và gửi Cục CNĐP các tài liệu như hướng dẫn tại mục 2 phần II Phụ lục số 1 của Công văn này).

B. Hướng dẫn các nội dung thẩm định

1. Đánh giá đối tượng được hỗ trợ và phạm vi có phù hợp với Điều 2, Nghị định 134/2004/NĐ-CP, ngày 09 tháng 06 năm 2004 của Chính phủ.

- Việc xác định đối tượng là Doanh nghiệp và Hợp tác xã được căn cứ theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2009 của Chính phủ (trong đó việc xác định doanh nghiệp vừa và nhỏ được căn cứ vào tổng tài sản trong bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất).

- Đối với trường hợp đối tượng là Hợp tác xã mới thành lập và Hộ kinh doanh cá thể thì thẩm định dựa trên Giấy phép đăng ký kinh doanh (có các ngành nghề sản xuất phù hợp với nội dung đầu tư và được hỗ trợ);

- Đối với trường hợp doanh nghiệp mới thành lập thì thẩm định dựa trên Giấy phép đăng ký kinh doanh và bảng lương nhân viên của doanh nghiệp tính tại thời điểm gần nhất.

- Đối với trường hợp vốn điều lệ của đăng ký kinh doanh hoặc tổng tài sản trong bảng cân đối kế toán vượt qua định nghĩa doanh nghiệp nhỏ và vừa được hướng dẫn tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, yêu cầu phải có bảng lương của đơn vị thụ hưởng tại thời điểm gần nhất để thẩm định. (Ghi cụ thể chỉ tiêu Tổng giá trị tài sản theo bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất, trường hợp tổng giá trị tài sản lớn hơn 100 tỷ ghi bổ sung thêm chỉ tiêu lao động hiện có).

2. Đánh giá ngành nghề được hỗ trợ có phù hợp với Điều 6, Nghị định 134/2004/NĐ-CP, ngày 09 tháng 06 năm 2004. Ngoài ra, nếu là đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật yêu cầu nêu rõ đề án có 01 hoặc 02 nội dung sau và ghi rõ trong phiếu thẩm định:

- Đề án có sản phẩm là sản phẩm mới trên địa bàn (cấp huyện trở lên), tính từ trước đến nay chưa có đơn vị nào đầu tư.

- Đề án có công nghệ là công nghệ mới trên địa bàn (cấp huyện trở lên), tính từ trước đến nay chưa có đơn vị nào đầu tư (yêu cầu có **Ý kiến thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ tại địa bàn**; trong đó nêu rõ công nghệ cần được phổ biến nhân rộng).

3. Đánh giá nội dung đề án có phù hợp với nội dung chương trình KCQG theo Quyết định số: 136/2007/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 08 năm 2007:

- Đề án nằm trong nội dung của 07 tiểu chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012.

4. Đánh giá mức độ phù hợp của đề án với phân cấp nhiệm vụ chi theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Thông tư liên tịch số: 125/TTLT/BTC-BCT, ngày 17 tháng 06 năm 2009:

- Đề án có hoạt động, sản phẩm sản xuất có ý nghĩa toàn quốc hoặc khu vực, phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp vùng, ngành, lãnh thổ và địa phương.

5. Đánh giá chung về đề án:

5.1. Sự cấp thiết và cần thiết của đề án.

5.2. Mục tiêu của đề án cần đạt được (sự cụ thể, rõ ràng, khả năng lượng hoá và tính khả thi của các mục tiêu)

- 5.3. Quy mô và các hoạt động chính của đề án.
- 5.4. Nội dung và tiến độ (thể hiện sự rõ ràng, hợp lý)
- 5.5. Tính hợp lý và phù hợp của dự toán kinh phí theo quy định hiện hành
- 5.6. Tổ chức thực hiện (tính hợp lý và khả thi phương án tổ chức thực hiện).
- 5.7. Hiệu quả của đề án (hiệu quả về kinh tế, an sinh xã hội, môi trường, tính bền vững và phát triển).
6. Đánh giá mức độ ưu tiên của đề án:
- Thuộc địa bàn và ngành nghề ưu tiên theo quy định tại Điều 6, Quyết định số 08/2008/QĐ-BCT ngày 12 tháng 05 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.;
 - Thuộc địa bàn 11 xã thí điểm của Chương trình xây dựng nông thôn mới, Ban chỉ đạo trung ương Chương trình Xây dựng nông thôn mới;
 - Thuộc diện 62 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP;
 - Góp phần thực hiện Chỉ thị số 25/2008/CT-TTg ngày 25 tháng 08 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng (trong đó, thực hiện các dự án có liên quan đến sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; sản xuất nguyên liệu với công nghiệp chế biến,..)
 - Thuộc nội dung Chương trình mục tiêu Quốc gia và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;
 - Thực hiện ý kiến kết luận của Lãnh đạo Bộ Công Thương và Chính phủ;
 - Có nhiều đơn đặt hàng xuất khẩu;
 - Góp phần vào bảo vệ môi trường (sử dụng công nghệ tái chế, công nghệ xử lý rác thải, chất thải).

